

TRƯỜNG THCS GIẢNG VÕ

DANH SÁCH HỌC SINH ĐỒ CHUYÊN TRONG KỲ THI VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ tên học sinh	Lớp	Lượt đồ chuyên	Chuyên Khoa học tự nhiên (HSGS)	Chuyên ĐH Sư phạm (HNUE)	Chuyên Ngoại ngữ (CNN)	Chuyên Khoa học xã hội&nhân văn	Chuyên Hà Nội Ams	Chuyên Chu Văn An	Chuyên Nguyễn Huệ	Chuyên Sơn Tây
1	Nguyễn Tuệ Anh	9A1	1						Sử		
2	Trương Quỳnh Chi	9A1	1				Địa				
3	Nguyễn Linh Giang A	9A1	1							Địa	
4	Phùng Hạnh Giang	9A1	1								Anh
5	Nguyễn Đăng Huy	9A1	1		Văn						
6	Văn Hà Hương	9A1	2				Văn	Văn			
7	Hoàng Khôi	9A1	1					Sử			
8	Nguyễn Duy Khôi	9A1	2				Sử		Sử		
9	Phùng Phương Mai	9A1	3	Sinh	Sinh				Sinh		
10	Nguyễn Thu Minh	9A1	1							Nga	
11	Phan Hoàng Diệp Nguyên	9A1	1					Văn			
12	Đoàn Hạnh Nhi	9A1	4		Anh	Anh			Anh, Trung		
13	Trần Vũ Bách Phước	9A1	1								Anh
14	Đỗ Bảo Quyên	9A1	1					Trung			
15	Đinh Hà An	9A2	2						Văn	Văn	
16	Nguyễn Hoàng An	9A2	4		Anh			Trung, Nga		Anh	
17	Trần Minh Anh	9A2	5		Anh	Anh		Anh, Trung, Nga			
18	Trần Nguyễn Bảo Châu	9A2	1			Trung					
19	Nguyễn Vũ Kiều Giang	9A2	5		Anh	Anh		Anh, Trung, Nga			
20	Nguyễn Ngọc Hà	9A2	1							Địa	
21	Nguyễn Vũ Tuệ Lâm	9A2	1			Anh					
22	Hoa Gia Linh	9A2	3		Văn				Văn	Văn	
23	Phạm Ngọc Linh	9A2	3				Địa	Địa	Địa		
24	Đinh Nguyễn Tuệ Minh	9A2	3		Sinh			Sinh		Sinh	
25	Nguyễn Hạnh Minh	9A2	3					Trung, Nga		Anh	
26	Tạ Huyền My	9A2	2						Sử	Sử	
27	Lê Khánh Ngọc	9A2	3					Nhật, Trung, Nga			
28	Đinh Minh Nguyên	9A2	1			Anh					
29	Đinh Minh Phương	9A2	1		Anh						
30	Nguyễn Lan Phương	9A2	1				Địa				
31	Trần Lan Phương	9A2	4		Sinh	Anh		Sinh		Sinh	
32	Trần Quốc Quyền	9A2	1			Đức					
33	Vũ Diễm Quỳnh	9A2	2					Sinh	Sinh		
34	Nguyễn Minh Thư	9A2	1						Sinh		

35	Trịnh Phương Anh	9A3	2				Văn		Văn		
36	Đặng Thị Ngọc Ánh	9A3	2				Văn			Văn	
37	Hồ Gia Huy	9A3	1								Lí
38	Đinh Ngọc Mai	9A3	1							Văn	
39	Trần Đức Minh	9A3	2	Lí						Lí	
40	Đào Minh Nghĩa	9A3	1								Sử
41	Dương Phương Nhi	9A3	1								Anh
42	Nguyễn Tuấn Thịnh	9A3	1						Địa		
43	Nguyễn Công Quốc An	9A4	1						Lý		
44	Nguyễn Minh Hà An	9A4	2		Hóa				Hóa		
45	Nguyễn Huy Anh	9A4	3	Hóa	Hóa			Hóa			
46	Vũ Minh Anh	9A4	2		Hóa					Hóa	
47	Trần Xuân Bách	9A4	3		Địa		Địa	Địa			
48	Vũ Tiến Cường	9A4	2	Tin					Tin		
49	Trần Minh Hà	9A4	2				Địa		Địa		
50	Lê Duy Hiếu	9A4	3	Sinh	Sinh				Sinh		
51	Đoàn An Khanh	9A4	1							Văn	
52	Hoàng An Khang	9A4	3	Sinh	Sinh			Sinh			
53	Phú Chí Lâm	9A4	2								Tin, Sử
54	Nguyễn Khánh Linh	9A4	1						Sinh		
55	Vũ Khánh Linh	9A4	3		Anh	Trung		Trung			
56	Hoàng Hải Đức Minh	9A4	2			Nhật			Anh		
57	Lê Tuấn Minh	9A4	1						Sử		
58	Nguyễn Duy Bình Minh	9A4	3	Hóa	Hóa				Hóa		
59	Nguyễn Quốc Nam	9A4	1						Sử		
60	Tô Hương Trà	9A4	1	Tin							
61	Bùi Hoàng Tú	9A4	2	Sinh							Sinh
62	Vũ Hoàng Tùng	9A4	1		Toán						
63	Hồ Bá Bình	9A5	1								Tin
64	Phạm Thanh Giang	9A5	1							Toán	
65	Bùi Quang Minh	9A5	1								Hóa
66	Nguyễn Vũ Minh	9A5	1								Tin
67	Phạm Xuân Sơn	9A5	2	Lí						Lí	
68	Phạm Trần Bảo An	9A6	1		Hóa						
69	Phạm Việt Đức	9A6	1			Đức					
70	Trịnh Hoàng Nam Khánh	9A6	1								Anh
71	Nguyễn Tuấn Kiệt	9A6	1								Lý
72	Hoàng Minh Nguyên	9A6	1						Hóa		
73	Đặng Vũ Minh Nhật	9A6	1			Pháp					
74	Nguyễn Tấn Phát	9A6	2		Toán				Toán		
75	Đỗ Tuấn Trường	9A6	1			Trung					
76	Nguyễn Hữu Hoàng Đạt	9A7	2				Sử		Sử		
77	Nguyễn Phạm Ngân Hà	9A7	2				Văn	Văn			

78	Ngô Phúc Hải	9A7	1			Trung					
79	Nguyễn Thanh Mai	9A7	2				Sử		Sử		
80	Trần Đức Hoàng Minh	9A7	1							Sinh	
81	Tạ Hải Phong	9A7	1						Anh		
82	Doãn Minh Quân	9A7	1							Anh	
83	Trần Minh Thư	9A7	2				Sử		Sử		
84	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	9A7	1						Địa		
85	Lê Lâm Anh	9A8	1						Sử		
86	Đỗ Thùy Dương	9A8	1	Sinh							
87	Lâm Thùy Dương	9A8	1						Sinh		
88	Hà Gia Linh	9A8	1								Anh
89	Nguyễn Trần Gia Linh	9A8	1						Sử		
90	Nguyễn Bảo Nam	9A8	5		Anh	Anh		Anh, Trung, Nga			
91	Nguyễn Khoa Nam	9A8	4		Anh	Anh			Anh, Trung		
92	Vũ Bảo Trân	9A8	1							Sử	
93	Phạm Minh Trí	9A8	1		Anh						
94	Nguyễn Khánh Huyền	9A9	1							Địa	
95	Nguyễn Minh Khang	9A9	3	Tin	Toán			Tin			
96	Trần Văn Giang	9A10	2		Địa				Địa		
97	Nguyễn Phương Hà	9A10	1						Văn		
98	Chu Hà Gia Khánh	9A10	1								Lý
99	Nguyễn Quang Khôi	9A10	3	Sinh	Sinh				Sinh		
100	Trương Bình Minh	9A10	2						Anh, Trung		
101	Nguyễn Cẩm Ngọc	9A10	3		Địa		Địa		Địa		
102	Nguyễn Gia Linh	9A11	3	Sinh	Sinh					Sinh	
103	Phạm Chúc An	9P	3			Pháp		Pháp, Trung			
104	Phạm Ngọc An	9P	1						Pháp		
105	Trần Ngọc Bảo An	9P	2					Pháp, Trung			
106	Đinh Đức Anh	9P	1						Pháp		
107	Đinh Việt Anh	9P	1						Pháp		
108	Nguyễn Hoàng Anh	9P	4			Pháp		Pháp, Trung, Nga			
109	Hoàng Bảo Đan	9P	3			Pháp			Pháp, Trung		
110	Trần Hoàng Khanh	9P	3					Pháp, Trung, Nga			
111	Hoàng Chi Diệu Linh	9P	3					Pháp, Trung, Nga			
112	Nguyễn Trúc Linh	9P	1						Pháp		
113	Vũ Bảo Linh	9P	1						Pháp		
114	Phạm Khôi Minh	9P	2						Pháp, Trung		
115	Nguyễn Khánh Ngọc	9P	4			Pháp		Pháp, Trung, Nga			
116	Nguyễn Minh Tuấn	9P	4			Pháp		Pháp, Trung, Nga			
	Tổng		214	14	29	21	14	49	50	22	15